

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng
thành phố Phủ Lý đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định số 38/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về quản lý không gian kiến trúc, cảnh quan đô thị; Nghị định số 39/2010/NĐ-CP ngày 07/04/2010 về quản lý không gian xây dựng ngầm đô thị; Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Căn cứ Nghị quyết 89/NQ-CP ngày 23 tháng 07 năm 2013 của Chính phủ về việc điều chỉnh địa giới hành chính các huyện Duy Tiên, Bình Lục, Thanh Liêm, Kim Bảng để mở rộng địa giới hành chính thành phố Phủ Lý và thành lập các phường thuộc thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Quyết định số 1226/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2011 về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hà Nam đến năm 2020; Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 06 tháng 5 năm 2016 về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch xây dựng Vùng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Văn bản số 2855/BXD- QHKT ngày 04 tháng 12 năm 2015 của Bộ Xây dựng về việc thỏa thuận đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thành phố Phủ Lý đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Kết luận số 01/KL/TU ngày 26 tháng 9 năm 2015 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thành phố Phủ Lý đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị quyết 28/2015/NQ-HĐND ngày 02 tháng 12 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thành phố Phủ Lý đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050, thiết kế đô thị dọc các tuyến đường chính và hai bên sông Đáy, sông Châu địa bàn thành phố Phủ Lý;

Theo các Văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh: Quyết định số 364/QĐ-UBND ngày 25 tháng 3 năm 2011 về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Hà Nam đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 927/QĐ-UBND ngày 11 tháng 7 năm 2012 về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thành phố Phủ Lý đến năm 2030; Quyết định số 993/QĐ-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2014 phê duyệt Nhiệm vụ thiết kế lập điều chỉnh Quy hoạch; Quyết định số 834/QĐ-UBND ngày 27 tháng 7 năm 2015 về việc thành



lập Hội đồng thẩm định điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thành phố Phủ Lý đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ biên bản họp của Hội đồng thẩm định Đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thành phố Phủ Lý đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng (tại Tờ trình số 177/TTr-SXD ngày 03 tháng 02 năm 2016) và báo cáo kết quả thẩm định, hồ sơ Quy hoạch kèm theo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thành phố Phủ Lý đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050, với những nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên Đồ án: Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thành phố Phủ Lý đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050.

2. Chủ đầu tư: Sở Xây dựng.

3. Đơn vị tư vấn lập Quy hoạch: Liên danh tư vấn Arep Ville (Cộng hòa Pháp) và Viện Quy hoạch đô thị và Nông thôn Quốc gia (Bộ Xây dựng).

4. Phạm vi và ranh giới đô thị:

- Phạm vi, ranh giới Quy hoạch chung thành phố Phủ Lý được xác định theo Nghị quyết 89/NQ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ, vị trí cụ thể như sau:

- + Phía Bắc giáp huyện Duy Tiên.
- + Phía Tây giáp Kim Bảng.
- + Phía Đông giáp huyện Bình Lục.
- + Phía Nam giáp huyện Thanh Liêm.

5. Thời hạn lập quy hoạch

- Quy hoạch ngắn hạn (đợt đầu): Đến năm 2020.
- Quy hoạch dài hạn: Đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050.

6. Tính chất, chức năng của đô thị

- Là đô thị trung tâm hành chính, chính trị, kinh tế văn hóa và khoa học kỹ thuật của tỉnh Hà Nam.

- Là trung tâm y tế chất lượng cao, đào tạo đa ngành, khoa học công nghệ và dịch vụ đô thị, du lịch phía Nam vùng Đồng bằng sông Hồng.

- Là đô thị cửa ngõ phía Nam của vùng Thủ đô Hà Nội

7. Quan điểm, tầm nhìn:

- Đến năm 2020, thành phố Phủ Lý đạt các tiêu chí đô thị loại II, trước năm 2030 đạt tiêu chí đô thị loại I.

- Đến năm 2050, tỉnh Hà Nam sẽ là đô thị cấp Quốc gia, với Phủ Lý được xác định là quận hạt nhân của hệ thống đô thị; là vùng kinh tế tổng hợp lớn, chia sẻ những chức năng quan trọng với Vùng đồng bằng sông Hồng, Vùng Thủ đô Hà Nội và vùng Bắc trung bộ.

- Phú Lý mang hình ảnh mới về một thành phố có môi trường đầu tư và môi trường sống chất lượng cao; tạo ra nhiều việc làm; thu hút lực lượng lao động và dân số của cả vùng.

- Là đô thị phát triển bền vững, thích ứng tốt với biến đổi khí hậu toàn cầu và là trung tâm cấp vùng về y tế, đào tạo nguồn nhân lực, du lịch, thương mại với các dịch vụ đô thị đa dạng.

8. Quy mô dân số, đất đai đô thị và một số chỉ tiêu chính

a) Quy mô dân số:

- Năm 2020 khoảng 160.000 người (trong đó nội thành khoảng: 93.000 người, ngoại thành khoảng: 67.000 người).

- Năm 2030 khoảng 227.000 người (trong đó nội thành khoảng: 139.000 người, ngoại thành khoảng: 88.000 người).

- Đến năm 2050, dân số thành phố Phú Lý khoảng 380.000 người (trong đó nội thành khoảng: 260.000 người, ngoại thành khoảng: 120.000 người).

b) Quy mô đất đai: Tổng diện tích đất nghiên cứu: 8.763,95ha; bao gồm toàn bộ các phường, xã theo địa giới hành chính xác định tại Nghị quyết 89/NQ-CP ngày 23 tháng 07 năm 2013 của Chính phủ về việc điều chỉnh địa giới hành chính các huyện Duy Tiên, Bình Lục, Thanh Liêm, Kim Bảng để mở rộng địa giới hành chính thành phố Phú Lý và thành lập các phường thuộc thành phố Phú Lý, tỉnh Hà Nam.

9. Định hướng phát triển

9.1. Định hướng phát triển kinh tế:

- Dịch vụ: Phát triển dịch vụ đô thị, thương mại phục vụ phát triển công nghiệp, du lịch sinh thái, y tế chất lượng cao và dịch vụ đào tạo cấp vùng khu vực Bắc Châu Giang và phía Đông Thành phố.

- Công nghiệp: Phát triển mạnh Khu công nghiệp Châu Sơn, cụm công nghiệp Kim Bình, cụm công nghiệp Nam Châu Sơn, cụm công nghiệp Tiên Tân (đã có); hình thành Trung tâm nghiên cứu sáng chế, đào tạo và công nghiệp công nghệ cao phía Bắc Thành phố.

- Nông nghiệp: Chuyển đổi dần sang sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao như trồng rau, hoa quả phục vụ thị trường Hà Nội và xuất khẩu.

9.2. Định hướng phát triển đô thị: Hướng phát triển chủ đạo của Quy hoạch theo hướng Bắc và hướng Đông. Hướng Bắc định hình Trung tâm hành chính chính trị phức hợp và Đô thị giáo dục đào tạo đại học gắn liền với Trung tâm thể dục thể thao và các khu công nghiệp năng động của huyện Duy Tiên. Hướng Đông hình thành vùng động lực phát triển mới, bao gồm Khu trung tâm Y tế chất lượng cao, trung tâm thương mại dịch vụ tổng hợp gắn với hệ thống đường sắt, đường bộ mới kết nối liên vùng. Hình thành các trục và không gian cảnh quan chính của đô thị Phú Lý gồm: Cảnh quan ngã ba sông, cảnh quan ven sông Châu, sông Đáy, cảnh quan trục 68m (đại lộ Hà Nam), nút giao Liêm Tuyên và một số trục chính đô thị khác.

9.3. Định hướng phát triển các phân khu chức năng đô thị đến năm 2030:

- Phân khu 1 (*Trung tâm lịch sử hiện hữu*): Có diện tích khoảng 908 ha, dân số khoảng 61.210 người, thuộc địa giới hành chính các phường Lê Hồng Phong, Châu Sơn, Thanh Châu, Trần Hưng Đạo, Minh Khai, Lương Khánh Thiện, Hai Bà Trưng tập trung chủ yếu ở phía Đông và Tây sông Đáy. Là khu đô thị cũ của thành phố Phủ Lý, là trung tâm hành chính chính trị của Thành phố và các hoạt động thương mại, dịch vụ, mua sắm, vui chơi giải trí.

- Phân khu 2 (*Khu Đại học - giáo dục đào tạo nguồn nhân lực*): Có diện tích khoảng 926 ha, dân số khoảng 41.250 người. Nằm ở khu vực phía Bắc, thuộc địa giới hành chính các phường Lam Hạ, xã Tiên Tân, xã Tiên Hiệp; Cụm phát triển giáo dục đào tạo được giới hạn hai bên là QL1 và đường cao tốc Bắc - Nam, với trục chính đi qua trung tâm là tuyến đường 68m và đường Vành đai 5 Hà Nội (*thuộc xã Tiên Tân và một phần xã Tiên Hiệp*). Xây dựng và phát triển các trường trọng điểm ngành nghề mũi nhọn cho vùng Thủ đô Hà Nội và cả nước. Tập trung nâng cao chất lượng lao động, kết nối các trung tâm nghiên cứu công nghệ cao với các trường đại học, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, phục vụ các doanh nghiệp trong Tỉnh.

- Phân khu 3 (*Khu Hành chính, chính trị phức hợp mới của tỉnh*): Có diện tích khoảng 635ha, dân số khoảng 18.710 người. Thuộc địa giới hành chính phường Lam Hạ. Là nơi đặt trụ sở làm việc của các cơ quan hành chính Tỉnh; là nơi tổ chức các hoạt động, sự kiện lớn, nơi trưng bày, lưu giữ hình ảnh truyền thống và là điểm nhấn quan trọng, mang tính đặc thù về kiến trúc của Tỉnh, Thành phố.

- Phân khu 4 (*Khu Y tế - Thương mại dịch vụ chất lượng cao*): Có diện tích khoảng 1.513ha, dân số khoảng 44.060 người, thuộc địa giới hành chính phường Liêm Chính, các xã: Liêm Chung, Liêm Tuyền, Liêm Tiết; là phân khu động lực mới về phía Đông thành phố với các chức năng lớn liên vùng như hệ thống dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe chất lượng cao, Trung tâm thương mại, dịch vụ và ga đầu mối trung chuyển đa phương tiện.

- Phân khu 5 (*Khu du lịch sinh thái Phù Vân gắn với nông nghiệp chất lượng cao*): Có diện tích khoảng 1.442 ha, dân số khoảng 18.870 người. Thuộc địa giới hành chính của xã Phù Vân, xã Kim Bình; là Khu đô thị du lịch sinh thái của Vùng tỉnh Hà Nam trong liên kết với Khu du lịch, dịch vụ cấp Quốc gia Tam Chúc và hệ thống các di tích lịch sử, tôn giáo và làng nghề dọc sông Châu Giang, sông Đáy.

- Phân khu 6 (*Khu công nghiệp xanh*): Có diện tích khoảng 1.492 ha, dân số khoảng 23.390 người, thuộc địa giới hành chính các phường Châu Sơn, phường Thanh Tuyền; là khu, cụm công nghiệp hoạt động tập trung, theo mô hình công nghệ cao, xanh, sạch thân thiện với môi trường.

- Phân khu 7 (*Khu dự trữ phát triển và nông nghiệp đô thị*): Có diện tích khoảng 1.848 ha, dân số khoảng 19.510 người; thuộc địa giới hành chính các xã Tiên Hải, Đinh Xá, Trịnh Xá và một phần xã Liêm Tiết; là khu vực đất dự trữ phát triển đô thị sau năm 2030.

9.4. Định hướng thiết kế đô thị

9.4.1 Phân vùng kiến trúc cảnh quan:

- Không gian trung tâm Thành phố mới: Là khu vực trục trung tâm hành chính – chính trị mới của tỉnh và không gian đô thị lịch sử hiện hữu, với định hướng phát triển tập trung, thu hút các hoạt động công cộng đô thị, thương mại dịch vụ và các hoạt động du lịch.

- Vùng đô thị hiện hữu (*Khu vực trung tâm thành phố Phù Lý hiện hữu*): Các công trình di tích lịch sử, cách mạng, văn hoá, tín ngưỡng được cải tạo, bảo tồn, chỉnh trang mỹ quan đô thị, tăng cường các tiện ích công cộng đồng thời kết hợp với các hoạt động du lịch để nâng cao giá trị và bản sắc lịch sử văn hóa, chất lượng sống cho Thành phố.

- Vùng kiến trúc sinh thái mật độ thấp: Bao gồm khu vực xã Phù Vân, các vùng đô thị nằm ở hạ lưu sông Châu Giang, định hướng phát triển nhà ở mật độ thấp, diện tích không gian cây xanh có tỷ lệ lớn, hòa nhập với cảnh quan bên sông.

- Vùng kiến trúc công nghiệp và cảng: Là các khu vực công nghiệp hiện có và mới thành lập (*cảng Đọ Xá, cảng Lại Xá, khu công nghiệp Châu Sơn, Kien Khê, khu logistic vành đai 5 giao với cao tốc PV-CG, cụm CN Kim Bình...*), định hướng phát triển hình ảnh khu công nghiệp hiện đại, có môi trường xanh, sạch.

- Vùng phát triển đô thị mới: Là khu vực phát triển đô thị mới ở phía Đông thành phố, dọc theo trục đường 68m, đường QL21 mới Phù Lý – Mỹ Lộc với trọng tâm là trung tâm động lực mới về Y tế và Tài chính ngân hàng (*kéo dài từ phía Tây đường cao tốc với nút giao trục 68m và N1 đến hết ranh giới hành chính thành phố phía Đông*), xây dựng hình ảnh đô thị năng động, phát triển tập trung và hài hòa với cảnh quan các trục tuyến đường chính và cao tốc Hà Nội-Ninh Bình.

- Vùng bảo vệ cảnh quan: Bao gồm khu vực làng hoa Phù Vân và dọc theo các dòng sông Đáy, sông Nhuệ, sông Châu Giang, đóng vai trò quan trọng trong việc bảo vệ môi trường, điều tiết khí hậu cũng như phát triển các hoạt động du lịch sinh thái.

- Vùng nông nghiệp đô thị: Là vùng nông nghiệp nằm trong vùng ảnh hưởng của đô thị trung tâm Phù Lý, đóng vai trò hỗ trợ cho thành phố. Định hướng tiếp tục duy trì các hoạt động nông nghiệp và từng bước hoàn thiện, bổ sung các tiện ích công cộng theo tiêu chí đô thị, với mục tiêu thu hẹp khoảng cách chênh lệch giữa đô thị và nông thôn, đồng thời giữ lại các hoạt động và cảnh quan nông nghiệp nhằm tạo ra sự phát triển cân bằng và bền vững trong quá trình đô thị hóa.

9.4.2 Giải pháp thiết kế đô thị:

- Các khu trung tâm mới:

+ Trung tâm hành chính - chính trị phức hợp mới của tỉnh: Các công trình điểm nhấn là Trụ sở hợp khối các cơ quan chính quyền và các cơ quan Đảng, các công trình tại các vị trí giao cắt với các trục giao thông chính (*giao cắt giữa trục 150m với tuyến 68m, tuyến QL1A*), tạo ra các không gian quảng trường và không gian mở.

+ Trung tâm thành phố mới: Bố trí dịch vụ thương mại, các chợ bên sông để trao đổi các sản phẩm đặc trưng của địa phương, gồm hai khu vực: chợ truyền thống hiện hữu và trung tâm thương mại theo mô hình hiện đại nằm sát QL1A.

Bố trí tuyến du lịch trên sông với điểm dừng tại các địa điểm tâm linh và văn hóa như đền chùa, làng hoa Phù Vân...

- Khu vực sông Châu, sông Đáy, sông Nhuệ:

+ Dọc sông Đáy: Tạo hình ảnh một thành phố hướng về dòng sông, tạo cảnh quan thu hút du lịch dọc sông và kết hợp với các điểm nhấn cảnh quan của ngã ba sông tạo thành tuyến du lịch văn hóa hoàn chỉnh. Trên toàn bộ chiều dài tuyến, bố trí điểm nhấn đô thị xen kẽ với tuyến đô thị.

+ Dọc sông Châu và sông Nhuệ: Kết nối với các khu chức năng lớn của vùng, từ Khu du lịch Tam Chúc qua thành phố Phủ Lý hướng về phía sông Hồng. Đoạn sông Châu Giang qua đô thị hình thành các dự án chiến lược chính liên kết với các chức năng đô thị tương ứng.

- Các tuyến trục chính đô thị:

+ Tuyến đường 68m (*Đại lộ Hà Nam*): Trên cơ sở các chức năng sử dụng đất gắn với tuyến đường 68m (*giáo dục đào tạo, thương mại dịch vụ, hành chính chính trị, y tế chất lượng cao*), định hình toàn bộ tuyến đường thành các phân đoạn gắn với các chức năng đô thị tương ứng: Lâm viên đại học; Công viên thương mại mua sắm; Công viên hành chính; Công viên mặt nước; Đô thị công viên xanh; Công viên kinh doanh tổng hợp.

+ Trục đường vành đai N1, N2: Bố trí các cụm công trình chính, gồm: Công trình cửa ngõ, công trình điểm nhấn để tạo hình ảnh hiện đại, tiếp cận với đường cao tốc và nút giao Liêm Tuyền với khu Trung tâm y tế chất lượng cao. Tổ chức thành tuyến các công trình hỗn hợp (*các công trình đa chức năng, gồm ở kết hợp dịch vụ thương mại, dịch vụ công cộng đô thị*). Toàn bộ các công trình trên tuyến, tổ chức theo hướng ra đường cao tốc và đường N2 nhằm tạo tuyến công trình có điểm nhấn và cảnh quan đẹp.

- Các điểm nhấn đô thị gồm: Điểm nhấn biểu tượng tại khu vực ngã Ba sông; Điểm nhấn kiến trúc mở đô thị ra với dòng sông; Điểm nhấn Tháp truyền hình trên tuyến 68m.

10. Quy hoạch sử dụng đất:

- Đến năm 2020: Tổng diện tích đất xây dựng đô thị khoảng 2.220,6 ha, bao gồm: Đất dân dụng khoảng 1.150,9ha, đất đơn vị ở khoảng 810,8ha, đất công trình công cộng đô thị khoảng 62,3ha, đất cây xanh - công viên - thể dục thể thao khoảng 76,6ha; đất ngoài dân dụng đến năm 2020 khoảng 1.069,7 ha, trong đó: Đất giáo dục là 109,2ha, đất cơ sở y tế 10,7ha; đất giao thông đối ngoại khoảng 194,8ha, thương mại dịch vụ khoảng 62,5ha, đất hỗn hợp 56,4ha phân bố dọc theo các trục chính đô thị (*trục 68m, khu vực trung tâm Y tế chất lượng cao...*).

- Đến năm 2030: Tổng diện tích đất xây dựng đô thị khoảng 3.410,5ha bao gồm: Đất dân dụng khoảng 1.722,1ha, trong đó đất đơn vị ở là 1.178,3ha, đất công trình công cộng đô thị là 90,5ha, đất cây xanh - công viên - thể dục thể thao là 116,1ha; đất ngoài dân dụng khoảng 1.688,4 ha, trong đó đất giáo dục là 248,7ha, đất cơ sở y tế cấp vùng 70,8ha; đất giao thông đối ngoại 261,3ha, thương mại dịch vụ 93,6ha.

Cơ cấu sử dụng đất theo các giai đoạn quy hoạch

Số TT	Danh mục sử dụng đất	Hiện trạng			Định hướng quy hoạch					
					Năm 2020			Năm 2030		
		Diện tích đất (ha)	Tỷ lệ (%)	Bình quân m ² /ng	Diện tích đất (ha)	Tỷ lệ (%)	Bình quân m ² /ng	Diện tích đất (ha)	Tỷ lệ (%)	Bình quân m ² /ng
I	Tổng diện tích đất toàn thành phố Phủ Lý	8.764,0	100		8.764,0	100		8.764,0	100	
-	Đất khu vực nội thành	3.436,5	39,2		3.436,5	9,2		5.179,6	59,1	
-	Đất ngoại thành	5.327,5	60,8		5.327,5	60,8		3.584,4	40,9	
II	Đất khu vực nội thành (A+B)	3.436,5			3.436,5			5.179,6		
A	Nhu cầu đất xây dựng đô thị	1.384,7	100	168,5	2.220,6	100	207,5	3.410,4	100	192,7
A1	Đất dân dụng	846,5	61,1	103,0	1.150,9	51,8	107,6	1.722,0	50,5	97,3
-	Đất đơn vị ở	653,0	47,2	79,4	810,8	36,5	75,8	1.178,3	34,5	66,6
+	Đất ở hiện trạng	653,0		79,4	721,0		80,4	987,7		80,1
+	Đất ở xây mới + đất hỗn hợp nhà ở			0,0	71,5		57,9	167,7		51,3
+	Đất trường THCS				18,3			22,8		
-	Đất công trình công cộng đô thị	47,0	3,4	5,7	62,3	2,8	5,8	90,5	2,7	5,1
-	Đất cây xanh - công viên - TDTT	33,2	2,4	4,0	76,6	3,4	7,2	116,1	3,4	6,6
-	Đất giao thông đô thị	113,3	8,2	13,8	201,3	9,1	18,8	337,1	9,9	19,0
A2	Đất ngoài dân dụng	538,2	38,9	65,5	1.069,7	48,2	100,0	1.688,4	49,5	95,4
-	Đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp	22,7			59,2	2,7		68,1	2,0	
-	Đất KCN, TTCN, kho tàng	207,4			304,0	13,7		473,6	13,9	
-	Đất Trung tâm nghiên cứu				33,8	1,5		45,2	1,3	
-	Đất giáo dục, trường đào tạo	27,8			109,2	4,9		248,7	7,3	
-	Đất xây xanh - TDTT				50,9	2,3		93,1	2,7	
-	Đất CTCC - TMDV	14,0			62,5	2,8		93,6	2,7	
-	Đất Y tế	10,7			10,7	0,5		70,8	2,1	

-	Đất hỗn hợp			56,4	2,5		72,5	2,1	
-	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	10,7		17,2	0,8		21,1	0,6	
-	Đất giao thông ngoài dân dụng	166,0		194,8	8,8		261,3	7,7	
-	Đất công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật	7,2		12,2	0,5		16,6	0,5	
-	Đất An ninh, quốc phòng	21,0		21,0	0,9		25,7	0,8	
-	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	50,7		50,7	2,3		63,8	1,9	
-	Đất cây xanh cách ly			87,0			134,3		
B	Đất khác	2.051,7		1.215,9			1.769,2		
-	Đất đất phi nông nghiệp khác	630,8							
-	Đất cây xanh sinh thái - mặt nước và đất phi nông nghiệp khác	57,75		71,0			70,4		
-	Sông suối, mặt nước chuyên dùng	227,8		212,2			368,7		
-	Đất nông nghiệp và các loại đất khác	1.135,4		932,7			1.330,1		
III	Đất khu vực ngoại thành	5.327,5		5.327,5			3.584,4		
1	Đất khu dân cư nông thôn	501,2		986,9			917,2		
2	Đất phi nông nghiệp	911,7							
3	Đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp	5,4		7,5			7,5		
4	Đất xây dựng KCN	39,4		65,7			93,3		
5	Đất Trung tâm nghiên cứu			2,5			2,5		
6	Đất Giáo dục, trường đào tạo cấp vùng	69,9		2,5			2,5		
7	Đất cây xanh, TDTT cấp vùng	39,5		50,9			76,7		
8	Đất CTCC - TMDV cấp vùng			19,3			12,1		
9	Đất Y tế cấp vùng	59,8		60,0			30,9		
10	Đất hỗn hợp			62,0			51,5		
11	Đất du lịch			23,4			23,4		
12	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	15,0		8,5			4,6		

13	Đất giao thông ngoài dân dụng				137,2			134,0		
14	Đất hạ tầng kỹ thuật				5,4			1,3		
15	Đất An ninh, quốc phòng	6,8			6,83			2,2		
16	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	51,3			51,7			48,1		
17	Đất cây xanh sinh thái - mặt nước				57,5			176,0		
18	Sông suối, mặt nước chuyên dùng	255,0			314,4			307,0		
19	Đất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, đất khác, đất dự trữ phát triển, đất chưa sử dụng	3.372,6			3.465,2			1.693,6		

11. Định hướng hệ thống hạ tầng kinh tế, xã hội:

11.1. Hạ tầng khu trung tâm Hành chính:

- Trung tâm hành chính cấp tỉnh: Xây dựng mới khu hành chính - chính trị tập trung đồng bộ về cơ sở vật chất và hạ tầng kỹ thuật, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của toàn tỉnh, thành phố trước xu thế hội nhập cũng như các mối quan hệ giao lưu về chính trị - kinh tế - xã hội giữa tỉnh Hà Nam với Thủ đô Hà Nội, khu vực Đồng bằng Bắc bộ và cả nước. Tạo hình ảnh một quần thể các công trình kiến trúc hành chính tập trung mới hiện đại có bản sắc riêng, đồng nhất về hình khối kiến trúc, là nơi tổ chức các sự kiện lễ hội lớn của Tỉnh.

- Trung tâm hành chính cấp thành phố và cấp phường: Sử dụng lại vị trí và quỹ đất tại trụ sở các cơ quan hành chính của Tỉnh hiện nay. Cải tạo, chỉnh trang các trụ sở hành chính cấp phường hiện hữu. Xây dựng mới trụ sở hành chính cho các phường thành lập mới. Trụ sở các Sở, Ngành, Ủy ban nhân dân thành phố Phủ Lý cũ được chuyển đổi sang đất dịch vụ đô thị, dịch vụ thương mại, văn phòng, khách sạn và đất ở.

11.2. Hạ tầng Giáo dục và Đào tạo:

- Các cơ sở đào tạo Đại học, Cao đẳng, dạy nghề: Xây dựng Khu đại học tập trung "đào tạo, nghiên cứu - chuyển giao công nghệ" tại Khu Đại học Nam Cao, gắn với khu vực phát triển đô thị tại xã Tiên Tân.

- Cơ sở giáo dục phổ thông: Xây dựng mới các trường Trung học cơ sở tại các đơn vị ở, các trường Trung học phổ thông cho các phân khu, với quy mô phù hợp chỉ tiêu đô thị.

11.3. Hạ tầng Y tế:

Xây dựng Khu trung tâm Y tế chất lượng cao, trung tâm nghiên cứu sinh học công nghệ cao bên cạnh hệ thống dịch vụ nhà hàng, khách sạn, siêu thị, công viên quảng trường cây xanh và nhà ở cho chuyên gia, người làm việc tại khu vực

xã Liêm Tuyên; cải tạo, di chuyển một số cơ sở y tế tuyến tỉnh, đảm bảo phù hợp với định hướng phát triển đô thị tại từng phân khu.

11.4. Hạ tầng Văn hóa:

Xây dựng trung tâm văn hóa tập trung qui mô cấp vùng gắn với khu vực trung tâm hành chính mới thuộc xã Lam Hạ với kiến trúc hiện đại, quy mô lớn tạo không gian đô thị; xây dựng trung tâm di tích văn hóa, lịch sử, tâm linh gắn với du lịch trên cơ sở tôn tạo Khu đền tưởng niệm các anh hùng, liệt sỹ tỉnh và Đền thờ 10 nữ dân quân Lam Hạ, cải tạo chỉnh trang các công trình văn hóa cấp thành phố, cấp phường hiện có, xây mới các công trình văn hóa cho các phường mới thành lập.

11.5. Hạ tầng thể dục thể thao và công viên cây xanh:

Hoàn thiện và đưa vào sử dụng tổ hợp thể dục thể thao cấp Tỉnh để phục vụ các hoạt động thể thao của tỉnh, quốc gia và quốc tế. Xây dựng mới các trung tâm thể dục thể thao, nâng cấp các công trình thể dục thể thao cấp phường, xã cho từng phân khu đáp ứng chỉ tiêu đô thị. Quy hoạch các khu công viên cây xanh, các dải cây xanh ven sông kết hợp đường dạo, các khu ở mới được kết nối với nhau bằng các trục cây xanh liên hoàn tạo cảnh quan; xây dựng các hồ điều hòa, liên kết hệ thống mặt nước, hồ, sông bằng các tuyến kênh tạo cảnh quan và hình ảnh mới cho đô thị. Xây dựng công viên cấp vùng tại xã Liêm Tuyên, quy hoạch hệ thống cây xanh dọc hai bên bờ sông Châu Giang. Cải tạo, chỉnh trang các công viên cây xanh, vườn hoa hiện có.

11.6. Hạ tầng thương mại, du lịch:

- Thương mại: Xây dựng các Khu trung tâm thương mại, dịch vụ tại xã Liêm Tiết, Khu Y tế chất lượng cao và hệ thống các công trình thương mại - dịch vụ dọc theo trục đường 68m, QL1A, đường vành đai thành phố và cho từng khu vực. Chuyển đổi chức năng một số công trình trụ sở cơ quan sau khi di chuyển thành các trung tâm thương mại, trung tâm dịch vụ. Xây dựng chợ đầu mối tại khu vực xã Liêm Tiết, gắn với khu vực ga đầu mối tổng hợp.

- Du lịch: Hình thành các tuyến du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng tại vùng trồng hoa Phù Vân; du lịch văn hóa tâm linh tại khu Đền thờ anh hùng liệt sỹ và đền thờ 10 nữ dân quân Lam Hạ; du lịch trên sông Đáy, sông Châu gắn với các khu du lịch trong vùng như khu du lịch Tam Chúc, núi Đọi, đền Trần, các làng nghề... Xây dựng các trung tâm hỗ trợ du lịch gắn với trung tâm thành phố mới, các cơ sở phục vụ du lịch dọc hai bên trục đường 68m; cải tạo chỉnh trang các công trình dịch vụ du lịch tại các phân khu phù hợp tính chất đô thị.

11.7. Hạ tầng về nhà ở:

Bố trí các quỹ đất xây dựng các khu ở mới đầy đủ tiện nghi tại phường Lam Hạ, xã Liêm Tiết, cải tạo chỉnh trang lại các khu ở hiện trạng. Hoàn thiện các dự án khu đô thị, khu nhà ở đang triển khai. Xây dựng các khu nhà ở xã hội phục vụ cho công nhân tại các khu công nghiệp, đảm bảo nhà ở cho sinh viên, học sinh và lực lượng làm việc cũng như người đến khám chữa bệnh tại thành phố Phủ Lý.

11.8 Hạ tầng công nghiệp:

Hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Châu Sơn, cụm công nghiệp Kim Bình, Nam Châu Sơn, Tiên Tân. Xây dựng khu công nghiệp tại phường Thanh Tuyên theo định hướng quy hoạch Vùng.

11.9 Hạ tầng Nông nghiệp:

Phát triển nông nghiệp gắn với hình thành các hành lang xanh, hành lang thoát lũ bảo vệ môi trường thành phố; xác định quỹ đất sản xuất nông nghiệp theo quy hoạch, vùng sản xuất hàng hóa chuyên canh quy mô lớn, như: Rau an toàn, hoa, cây cảnh... theo mô hình nông nghiệp chất lượng cao, kết hợp xây dựng mô hình làng sinh thái, tạo điểm du lịch thăm quan ngoại thành. Khoanh vùng sử dụng đất phù hợp để bảo tồn và phát triển vùng trồng hoa Phù Vân.

12. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

12.1. Chuẩn bị kỹ thuật (*san nền thoát nước mặt*):

12.1.1. San nền:

a) Hệ thống công trình phòng chống lũ: Nâng cấp cải tạo hệ thống đê điều trên địa bàn toàn tỉnh và các đoạn tuyến đê điều còn sử dụng chức năng phòng chống lũ trên sông Đáy, sông Nhuệ, sông Châu trên địa bàn Thành phố, đảm bảo cao trình mặt đê theo quy định.

b) Nền xây dựng đối với các khu vực xây dựng mới:

- Khu vực Nam sông Châu - Đông sông Đáy: Cao độ nền xây dựng trung bình: $H_{xd} \geq 3,0m$.

- Khu vực Bắc sông Châu - Đông sông Nhuệ: Cao độ khống chế nền xây dựng trung bình: $H_{xd} \geq 2,9m$.

- Khu vực Bắc sông Đáy - Tây sông Nhuệ: Cao độ khống chế nền xây dựng được chia làm hai tiểu khu vực:

+ Khu vực trong đê Tả Đáy: Cao độ khống chế nền xây dựng trung bình: $H_{xd} \geq 3,0m$;

+ Khu vực ngoài đê Tả Đáy (*bồi Phù Vân*): Cao độ khống chế nền xây dựng trung bình: $H_{xd} \geq 3,5m$.

- Khu vực Tây Nam sông Đáy: Cao độ khống chế nền xây dựng trung bình: $H_{xd} \geq 3,5m$.

- Khu vực trung tâm hành chính tỉnh: Cao độ khống chế nền xây dựng trung bình: $H_{xd} \geq 3,5m$.

- Khu vực xây dựng khu công nghiệp: Cao độ khống chế nền xây dựng nhà xưởng trung bình: $H_{xd} \geq 3,5m$.

- Các khu vực chưa khai thác xây dựng: Giữ nguyên hiện trạng, tận dụng quỹ đất này vào mục đích vùng đệm chứa nước tạm thời, điều tiết nước mưa cho các khu dân cư trong thành phố.

- Các khu công viên cây xanh cấp thành phố, cấp khu vực đô thị: Cao độ khống chế nền xây dựng trung bình: $H_{xd} \geq 2,5m$.

c) Nền xây dựng đối với khu dân cư làng xóm hiện hữu: Giữ nguyên cao độ nền xây dựng hiện trạng, từng bước cải tạo đảm bảo theo cao độ nền khống chế của khu vực.

12.1.2. Hệ thống thoát nước mặt:

Xây dựng hệ thống công nửa riêng cho các khu đô thị cũ cải tạo, khu vực làng xóm hiện hữu; hệ thống công riêng hoàn toàn cho các khu vực xây dựng mới, kết hợp xây dựng điều chỉnh chức năng các kênh tưới hiện nay trở thành các kênh tiêu khi đô thị hóa xuất hiện tại các khu vực đô thị; đồng thời xây dựng các hồ điều hòa và các trạm bơm tiêu úng để phục vụ thoát nước mặt cho khu vực nội thành và ngoại thành.

a) Định hướng thoát nước mặt được chia thành 4 lưu vực thoát nước chính. Cụ thể:

- Khu vực Nam sông Châu - Đông sông Đáy (*chia thành 5 lưu vực nhỏ*):

+ Lưu vực 1: Khu vực nội thành cũ - 180ha (*từ phía Nam sông Châu đến phía Bắc đường Trần Hưng Đạo*): Nước mặt theo hệ thống công tập trung về các hồ điều hòa Trạm Bơm và Trại Giam trong khu vực sau đó thoát ra sông Châu thông qua trạm bơm Mễ (*công suất 6x1.000m³/h*) và trạm bơm Trại Giam (*công suất 2x1.000m³/h*).

+ Lưu vực 2: Khu vực phía Nam đường Trần Hưng Đạo và phía Đông Bắc QL21 cũ (2.400ha): Nước mặt theo hệ thống công tập trung về kênh kết nối với trạm bơm Triệu Xá, kênh Chính Tây, sông Biên Hòa, kênh BH8, BH10, các hồ điều hòa trong khu vực thoát ra sông Châu thông qua trạm bơm Triệu Xá (*công suất 4x27.000m³/h*) và trạm bơm Đình Xá (*công suất 12x4.000m³/h*).

+ Lưu vực 3: Khu vực giữa phía Nam đường QL21 cũ với phía Đông đường QL1A (360ha): Nước mặt theo hệ thống công tập trung về các hồ điều hòa trong khu vực và sông Kinh Thủy sau đó thoát ra sông Đáy thông qua trạm bơm Kim Thanh I (*công suất 12x4.000m³/h*) và Kim Thanh II (*công suất 4x30.600m³/h*).

+ Lưu vực 4: Khu vực từ phía Nam cầu Đọ Xá đến phía Tây đường QL1A và phía Bắc đường ĐH.01 (190ha): Nước mặt theo hệ thống công tập trung về các hồ điều hòa khu vực thôn Lại Xá, sau đó thoát ra sông Đáy thông qua trạm bơm Lại Xá (*công suất 2x1.000m³/h*).

+ Lưu vực 5: Khu vực từ phía Nam đường ĐH01 đến phía Tây đường QL1A (300ha): Nước mặt theo hệ thống công tập trung về kênh TB chạy dọc theo QL1A, sau đó thoát ra sông Đáy thông qua kênh TB-8 kết nối với trạm bơm Võ Giang (*công suất 5x8.000m³/h*).

- Khu vực Bắc sông Châu - Đông sông Nhuê (*chia thành 2 lưu vực nhỏ*):

+ Lưu vực 1: Khu vực từ đường cao tốc Cầu Giẽ-Ninh Bình đến đường QL1A (1.490ha): Nước mặt theo hệ thống công tập trung về các hồ điều hòa trong khu vực sau đó theo kênh tiêu A4-8 và A4-6 thoát ra sông Châu thông qua các trạm bơm Lạc Tràng II (*công suất 12x4.000m³/h*) và Lạc Tràng III (*công suất 5x27.000m³/h*).

+ Lưu vực 2: Khu vực phía Đông đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình (580ha): Nước mặt theo hệ thống công, kênh mương thủy lợi tập trung về kênh

A4-6, sau đó thoát ra sông Châu thông qua trạm bơm Lạc Tràng Bộ (công suất $10 \times 8.000 \text{ m}^3/\text{h}$) và trạm bơm Bực (công suất $3 \times 27.000 \text{ m}^3/\text{h}$).

- Khu vực Đông Bắc sông Đáy - Tây sông Nhuệ (chia thành 2 lưu vực):

+ Lưu vực 1: Khu vực phía Bắc đê Tả Đáy (690ha): Nước mặt theo hệ thống cống, kênh mương thủy lợi tập trung về kênh A3-4, A3-4A thoát ra sông Nhuệ và sông Cụt thông qua trạm bơm Trân Châu (công suất $5 \times 4.000 \text{ m}^3/\text{h}$), trạm bơm Kim Bình (công suất $5 \times 2.500 \text{ m}^3/\text{h}$) và trạm bơm Lương Đồng.

+ Lưu vực 2: Khu vực trong đê bồi Phù Vân (442ha): Nước mặt theo hệ thống cống, kênh mương thủy lợi tập trung tập trung về kênh tiêu trạm bơm Phù Đạm thoát ra sông Đáy và sông Cụt thông qua trạm bơm Phù Đạm I (công suất $6 \times 1.000 \text{ m}^3/\text{h}$) và Phù Đạm II (công suất $2 \times 2.500 \text{ m}^3/\text{h}$).

- Khu vực Tây Nam sông Đáy (1.150ha): Nước mặt theo hệ thống cống, kênh mương thủy lợi tập trung về kênh Ngòi Ruột và sông Bùi sau đó thoát ra sông Đáy thông qua trạm bơm Ngòi Ruột (công suất $7 \times 8.000 \text{ m}^3/\text{h}$), trạm bơm Thanh Sơn (công suất $5 \times 4.000 \text{ m}^3/\text{h}$) và trạm bơm Thịnh Châu (công suất $7 \times 8.000 \text{ m}^3/\text{h}$).

b) Mạng lưới đường cống:

- Xây dựng mạng lưới thoát nước dạng xương cá để thu gom nước tập trung về các hồ điều hòa, sau đó sử dụng các trạm bơm cưỡng bức đổ ra hệ thống sông Đáy, sông Châu và sông Nhuệ.

- Hệ thống cống: Sử dụng loại cống tròn, cống hộp bằng BTCT đặt dưới lòng đường hoặc hè đường trên các trục đường chính đô thị, đường liên khu vực và đường chính khu vực.

c) Hệ thống các tuyến kênh tiêu hờ: Được cải tạo, xây mới và gia cố bằng hệ thống kè hai bên, đồng thời bố trí hành lang xanh chạy dọc tuyến kết hợp đường dạo hoặc đường ô tô.

d) Hệ thống hồ điều hòa nước mặt cấp đô thị, cấp khu vực đô thị: Được gia cố bằng hệ thống kè có tính thẩm mỹ cao.

e) Công trình trạm bơm tiêu ứng trên địa bàn thành phố Phủ Lý:

- Hệ thống trạm bơm tưới tiêu: Gồm 09 trạm bơm hiện trạng, trong đó: 03 trạm bơm giữ nguyên trạng (trạm bơm Phù Đạm 2, trạm bơm Lương Đồng, trạm bơm Lạc Tràng II), 06 trạm được nâng cấp cải tạo (trạm bơm Thịnh Châu, trạm bơm Trân Châu, trạm bơm Kim Bình, trạm bơm Bực, trạm bơm Đình Xá, trạm bơm Triệu Xá); quá trình đô thị hóa, các trạm bơm này sẽ từng bước được chuyển đổi chức năng hoạt động để phục vụ tiêu thoát nước.

- Hệ thống trạm bơm tiêu: Gồm 09 trạm bơm, trong đó: 04 trạm bơm giữ nguyên trạng (trạm bơm Thanh Sơn, trạm bơm Phù Đạm 1, trạm bơm Mễ, trạm bơm Trại Giã); 02 trạm bơm nâng cấp cải tạo (trạm bơm Ngòi Ruột, trạm bơm Lạc Tràng Bộ); 03 trạm bơm xây mới (trạm bơm Lạc Tràng III, trạm bơm Quang Trung, trạm bơm Đọ Xá).

12.2. Quy hoạch giao thông

12.2.1. Giao thông đường bộ

12.2.1.1. Đường cao tốc, đường quốc lộ:

- Các tuyến đường đã có, thực hiện nâng cấp, cải tạo theo quy hoạch của Bộ Giao thông Vận tải: Đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình, đường Vành đai 5 Vùng Thủ đô, Quốc lộ 1A, Quốc lộ 21A, Quốc lộ 21B, Quốc lộ 21B mới.

- Các tuyến đường quy hoạch mới: Tuyến đường tránh Quốc lộ 1A, Quốc lộ 21B kéo dài (*tuyến Phủ Lý – Mỹ Lộc*), Quốc lộ 37B (*Hà Nam – Nam Định*), Tuyến đường tránh QL37B (*Duy Tiên - Phủ Lý*), Tuyến đường nối hai đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng với Cầu Giẽ - Ninh Bình.

12.2.1.2. Đường tỉnh, đường huyện, giao thông nông thôn:

- Đường tỉnh: Đối với hệ thống đường tỉnh đi trong phạm vi thành phố được định hướng quy mô mặt cắt ngang theo đường đô thị, bên ngoài phạm vi thành phố được thực hiện theo quy định đường ngoài đô thị. Cụ thể:

+ Tuyến đường tỉnh ĐT.491: Ngoài đoạn đường từ nút Phú Đông đến gầm cầu vượt đường cao tốc Cầu Giẽ-Ninh Bình có quy mô mặt cắt 30m; các đoạn đường còn lại trong thành phố được cải tạo, nâng cấp, chỉnh trang theo mặt cắt đường đô thị, quy hoạch mặt cắt 17,5÷27m.

+ Tuyến đường tỉnh ĐT.493, ĐT.493B, ĐT.494B, ĐT.494C: Đoạn đi trong thành phố được cải tạo, nâng cấp, chỉnh trang có mặt cắt 17,5÷27m.

- Đường huyện: Nâng cấp cải tạo hai tuyến đường huyện ĐH.01, ĐH.03 trong Thành phố, đảm bảo theo tiêu chuẩn đường đô thị.

- Giao thông nông thôn: Toàn bộ hệ thống đường giao thông nông thôn được nâng cấp cải tạo đạt tiêu chuẩn cấp đường A giao thông nông thôn, hoặc đường cấp V đồng bằng.

12.2.1.3. Đường đô thị:

- Mạng đường chính đô thị theo hướng Bắc - Nam: Hình thành trên cơ sở trục đường QL1A (*đoạn qua thành phố*) và trục đường 68m. Hai trục này đóng vai trò chính trong việc lưu thông theo hướng Bắc Nam.

- Mạng đường chính đô thị theo hướng Đông Tây: Được hình thành bởi tuyến đường gom song hành với đường Vành đai 5 Thủ đô; Tuyến đường nối 2 đường cao tốc, QL21B kéo dài (*Phủ Lý - Mỹ Lộc*); đường vành đai nhánh N1 (*đường 42m*) kết nối đường Lê Chân với QL 21A.

12.2.1.4. Công trình cầu và nút giao thông đô thị:

- Cầu đô thị:

+ Cải tạo nâng cấp các cầu hiện có (*cầu Hồng Phú, cầu Châu Sơn-Phủ Lý, cầu Cầu Từ, cầu Phù Vân, cầu Ba Đa*) phù hợp với cấp hạng đường được xác định trong Quy hoạch. Nghiên cứu phương án cải tạo Cầu Phủ Lý (*trên đường QL1A qua sông Châu*) để thực hiện mục tiêu thông thuyền kết nối sông Châu với sông Đáy.

+ Xây dựng các cầu mới trong đô thị: Trên sông Đáy bố trí 03 cầu (*cầu từ xã Kim Bình qua xã Thanh Sơn, cầu sang thôn 1-Phù Vân, cầu qua khu vực Đọ Xá*). Trên sông Châu bố trí 04 cầu (*cầu Liêm Chính, cầu kết nối đi qua Khu đô thị River Silk City, cầu đường gom đường cao tốc Cầu Giẽ-Ninh Bình, cầu từ xã Tiên Hải xuống xã Đình Xá*).

- Nút giao thông đô thị:

+ Tổ chức 02 nút giao liên thông hoàn chỉnh tại Phú Thứ và Liêm Tuyên kết nối đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình với hệ thống giao thông Thành phố.

+ Các nút giao cắt đường đô thị với đường sắt, đường Quốc lộ và đường cao tốc có mật độ giao thông lớn tổ chức giao khác mức trực thông.

+ Các nút giao khác tổ chức giao cùng mức.

- Hệ thống giao thông tĩnh:

+ Nâng cấp, mở rộng bên xe đối ngoại hiện nay tại phía Tây nút giao Liêm Tuyên đáp ứng cả xe tuyến, xe buýt và taxi.

+ Bố trí xây dựng mới 02 bến xe kết hợp bãi đỗ xe tại phía Đông nút giao Liêm Tuyên và tại khu vực nút giao đường 68m với đường Vành đai 5 Thủ đô thuộc xã Tiên Hiệp. Bố trí các bãi đỗ xe tĩnh tại mỗi khu vực đô thị trong thành phố đảm bảo theo tiêu chuẩn quy định.

- Hệ thống giao thông công cộng: Hình thành và phát triển hệ thống giao thông công cộng phục vụ nhu cầu đi lại của người dân đô thị, hạn chế sự phát triển các phương tiện cá nhân trong tương lai, đảm bảo liên hệ thuận lợi, nhanh chóng, an toàn và kinh tế giữa khu vực nội thành với khu vực ngoại thành và các vùng phụ cận.

+ Loại hình xe buýt được sử dụng làm chủ đạo trong mạng lưới giao thông công cộng thành phố. Mạng lưới xe buýt được bố trí trên hệ thống đường trục chính đô thị đến hệ thống đường chính khu vực, đảm bảo bán kính phục vụ từ nơi ở, nơi làm việc đến điểm chờ xe không quá 500m.

+ Hình thành 02 hệ thống xe buýt nhanh BRT để tạo sự liên thông giữa các loại phương tiện giao thông công cộng khác trong đô thị, đồng thời kết nối nhanh chóng giữa các khu công nghiệp quan trọng (*Đồng Văn, Châu Sơn, Kiện Khê...*) với các khu chức năng (*Trung tâm hành chính tỉnh, Khu đại học, khu vực nội đô lịch sử, Trung tâm y tế chất lượng cao, khu công viên vui chơi giải trí...*).

+ Phát triển hệ thống xe taxi đạt chất lượng phục vụ chuyên nghiệp, có độ tin cậy cao, đáp ứng nhu cầu giao thông cho người dân đi lại trong đô thị.

12.2.2. Giao thông đường sắt:

Thực hiện theo quy hoạch của Bộ Giao thông vận tải. Trong đó đề xuất:

- Đường sắt tốc độ cao và ga đầu mối bố trí dự trữ quỹ đất phía Đông đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình.

- Đường sắt Quốc gia hiện trạng chuyển ra ngoài Thành phố.

12.2.3. Giao thông đường thủy:

- Từng bước nạo vét, cải tạo lòng sông, luồng lạch, các cầu vượt sông và kiên cố hóa đê, kè chống lũ kết hợp đường giao thông (*đường dạo, đường ô tô*), hệ thống cây xanh dọc sông Đáy, sông Châu, sông Nhuệ đoạn qua thành phố nói riêng và trên địa bàn tỉnh nói chung để nâng cao năng lực vận tải thủy.

- Hệ thống bến, cảng:

+ Hệ thống bến: Xây dựng mới 02 bến tàu khách (*01 bến tại khu vực ngã 3 sông Đáy, sông Nhuệ; 01 bến trên sông Châu tại khu vực xã Đình Xá*) phục vụ, khai thác phát triển loại hình du lịch sông nước trên địa bàn.

+ Cảng chuyên dùng: Xây dựng mới cảng Lại Xá, nâng cấp, mở rộng cảng Bút Sơn phục vụ nhu cầu vận chuyển hàng hóa bằng đường thủy trên sông Đáy.

12.3. Cấp điện

12.3.1. Tổng công suất: Đến năm 2020 khoảng 141MVA, đến năm 2030 khoảng 320MVA.

12.3.2. Nguồn điện:

- Giai đoạn 2015 ÷ 2020:

+ Nâng công suất TBA 220kV Phủ Lý lên quy mô công suất 2x250MVA.

+ Xây mới TBA 110kV Tiên Hiệp (110/22kV), công suất 1x40MVA.

+ Cải tạo TBA 110kV Thạch Tô (110/35/22kV) thành (110/22kV), nâng công suất lên 40MVA.

+ Giữ nguyên công suất TBA 110kV Phủ Lý 2x40MVA và TBA 110kV Châu Sơn 1x63MVA.

- Giai đoạn 2021 ÷ 2030:

+ Nâng cấp công suất TBA 110kV Tiên Hiệp lên 2x40MVA.

+ Nâng cấp công suất TBA 110kV Châu Sơn lên 2x63MVA.

+ Di dời TBA 110kV Phủ lý ra vị trí mới (*khu vực xã Đình Xá*), đồng thời nâng công suất lên 2x63MVA.

12.3.3. Lưới điện:

- Lưới 110kV: Cải tạo tuyến 110kV mạch đơn sang mạch kép. Từng bước ngầm hóa đường dây 110kV trong khu vực trung tâm thành phố, di chuyển hướng tuyến đường dây theo quy hoạch đảm bảo an toàn và mỹ quan đô thị.

- Lưới 35kV, 22kV, 10kV: Về lâu dài sẽ chuyển đổi chỉ sử dụng lưới điện 22kV. Giai đoạn đầu lưới 35kV vẫn giữ nguyên, khi trạm 110kV có điện áp 22kV thì lưới 35kV chuyển sang vận hành 22kV. Đối với các khu vực trung tâm, khu đô thị mới hệ thống đường dây cấp điện được ngầm hóa trong hào kỹ thuật hoặc tuynen để đảm bảo an toàn và mỹ quan đô thị.

- Lưới điện 0,4kV: Sử dụng hệ thống điện hạ áp 220/380V ba pha; khu vực trung tâm đô thị, khu đô thị mới sử dụng trực dây cáp ngầm; khu vực ven đô thị, khu vực ngoại thành khuyến khích sử dụng đường dây cáp ngầm.

- Lưới điện chiếu sáng: Từng bước hoàn chỉnh hệ thống chiếu sáng công cộng (đường giao thông, công viên, quảng trường, công trình kiến trúc....) trên toàn bộ thành phố.

12.4. Quy hoạch cấp nước:

12.4.1 Nguồn nước, nhu cầu dùng nước và phân vùng cấp nước

a) Sử dụng nguồn nước mặt sông Hồng, sông Đáy, sông Châu là nguồn cấp chính cho khu vực đô thị.

b) Dự báo tổng nhu cầu dùng nước đến năm 2020 khoảng 50.000m³/ngày đêm, đến năm 2030 khoảng 80.000m³/ngày đêm.

c) Phân vùng cấp nước: Khu vực nội thành phát triển hệ thống cấp nước theo từng phân vùng tập trung, đảm bảo chất lượng nguồn cấp nước. Khu vực ngoại thành phát triển theo hệ thống cấp nước tập trung theo kiểu phân tán, cụ thể:

- Phân vùng I: Toàn bộ khu vực phía Đông Bắc thành phố, được giới hạn bởi sông Nhuệ và sông Châu (gồm các xã Tiên Tân, Tiên Hiệp, Tiên Hải; phường Quang Trung, Lam Hạ), được cấp từ nguồn nước: Trạm bơm tăng áp (TBTA) Phú Lý lấy từ trạm bơm đầu mối, cấp cho toàn bộ khu vực thông qua tuyến ống truyền dẫn chính 2Ø600 dọc các trục giao thông chính (tuyến đường 68m và tuyến cao tốc Cầu Giẽ-Ninh Bình) và Nhà máy nước Đọi Sơn.

- Phân vùng II: Toàn bộ khu vực phía Tây Bắc thành phố, được giới hạn bởi sông Nhuệ và sông Đáy (gồm các Kim Bình, Phù Vân), được cấp từ nguồn nước Nhà máy nước số 2 - Thanh Sơn thông qua TBTA Phú Lý.

- Phân vùng III: Toàn bộ khu vực phía Đông Nam thành phố, được giới hạn bởi sông Sông Châu và sông Đáy (gồm các phường Lương Khánh Thiện, Minh Khai, Hai Bà Trưng, Trần Hưng Đạo, Liêm Chính, Thanh Châu, Thanh Tuyền; các xã Liêm Tuyền, Liêm Tiết, Đình Xá, Trịnh Xá, Liêm Chung), được cấp từ nguồn nước: Nhà máy nước số 1; Nhà máy nước số 2 - Thanh Sơn, cấp cho khu vực thông qua tuyến ống truyền dẫn Ø600 chạy dọc QL21A; Nhà máy nước Liêm Tuyền; Nhà máy nước Sông Hồng cấp nước bổ sung cho vùng (khi dự án xây dựng hoàn thành) thông qua tuyến ống truyền dẫn chính 2Ø600 tiếp nối từ vùng I với vùng III thông qua TBTA Phú Lý; Nhà máy nước Đình Xá cấp nước chủ yếu cho khu vực kề cận.

- Phân vùng IV: Toàn bộ khu vực phía Tây Nam thành phố, được giới hạn bởi sông Đáy (gồm các phường Châu Sơn, Lê Hồng Phong), được cấp từ nguồn nước Nhà máy nước số 2 - Thanh Sơn, cấp cho toàn bộ phân vùng IV và một phần cho các xã lân cận thành phố Phú Lý thông qua tuyến ống truyền dẫn Ø600 chạy dọc QL21A.

12.4.2. Nhà máy cấp nước:

- Xây dựng mới Nhà máy nước Sông Hồng tại huyện Duy Tiên, quy mô công suất 60.000÷120.000 m³/ngày đêm, khai thác nước mặt sông Hồng.

- Nâng cấp Nhà máy nước số 2 - Thanh Sơn, quy mô công suất 30.000÷50.000 m³/ngày đêm, khai thác nước mặt sông Đáy.

- Nâng cấp Nhà máy nước Liêm Tuyền, quy mô công suất 5.000 m³/ngày đêm, khai thác nước mặt sông Châu.

- Nâng cấp Nhà máy nước Đình Xá, quy mô công suất 8.000 m³/ngày đêm, khai thác nước mặt sông Châu.

- Cải tạo Nhà máy nước số 1 thành trạm bơm tăng áp sau năm 2020.

- Xây dựng mới Trạm bơm tăng áp Phú Lý tại khu Đại học Nam Cao, quy mô công suất 25.000÷50.000 m³/ngày đêm.

- Nối mạng toàn bộ các nhà máy nước để chủ động xử lý đảm bảo chất lượng, lưu lượng cung cấp cho các nhu cầu.

12.4.3. Mạng lưới đường ống cấp nước:

- Xây dựng mới hệ thống mạng lưới đường ống truyền dẫn chính Ø600 chạy dọc đường 68m, đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình, đường QL21A (từ Nhà máy nước số 2 đến cầu Phủ Lý), đường vành đai N1 (đường 42m), đường nối hai đường cao tốc.

- Mạng lưới đường ống phân phối chính: Xây dựng mới hệ thống đường ống truyền tải đến các khu vực đô thị tiết diện $\geq \text{Ø}200$; hệ thống đường ống phân phối đến mạng dịch vụ tiết diện $\text{Ø}100 - \text{Ø}200$. Ngoài ra, cải tạo nâng cấp hệ thống đường ống cấp nước truyền dẫn và phân phối hiện nay để đảm bảo cung cấp nước sạch.

- Hệ thống cấp nước chữa cháy: Mạng lưới đường ống cấp nước chữa cháy được bố trí trên hệ thống đường giao thông trục chính đến đường chính khu vực có đường ống cấp nước chạy qua có tiết diện đường ống $\geq \text{Ø}100$. Nguồn nước cấp dự phòng đủ cho 02 đám cháy xảy ra cùng thời điểm, cấp liên tục trong 3 giờ.

12.5. Quy hoạch thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang

12.5.1. Thoát nước thải:

Hệ thống thoát nước thải được bố trí theo hệ thống thoát nước hỗn hợp bao gồm: Hệ thống thoát nước (*chung, riêng và nửa riêng*). Đối với khu vực đô thị cũ sử dụng hệ thống thoát nước nửa riêng; Khu vực đô thị mới sử dụng hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn. Nước thải được thu gom xử lý tại 5 trạm xử lý tập trung. Đối với khu vực dân cư nông thôn hiện hữu trước mắt sử dụng hệ thống thoát nước chung, nước thải xử lý qua bể tự hoại cục bộ và tận dụng khả năng tự làm sạch của hệ thống ao hồ tự nhiên. Sau này từng bước cải tạo, xây dựng hệ thống thoát nước thải riêng.

a) Nước thải sinh hoạt được thu gom xử lý theo 5 lưu vực thoát nước chính:

- Lưu vực 1: Phía Bắc sông Châu và phía Đông sông Nhuệ (chia thành 2 lưu vực nhỏ).

+ Khu phía Nam (phường Lam Hạ): thu gom về Trạm xử lý (TXL) SH1 (xã Tiên Hiệp-Lam Hạ) công suất $Q_1 = 3.000 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ (*theo dự án*), $Q_2 = 7.500 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ (*dự kiến*). Nước thải sau xử lý xả ra kênh thoát nước A4-6.

+ Khu phía Bắc (xã Tiên Tân thuộc khu Cluter giáo dục nghiên cứu & phát triển), nước thải sinh hoạt được kết nối vào hệ thống thoát nước và xử lý tại trạm xử lý nước thải khu đô thị đại học Nam Cao công suất $Q = 16.600 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

- Lưu vực 2: Phía Nam sông Châu và phía Đông sông Đáy, thực hiện theo dự án thoát nước thải của thành phố Phủ Lý đang triển khai thi công 02 trạm xử lý:

+ Khu vực nội đô lịch sử: xây dựng hệ thống cống bao và các giếng tách nước thải đưa về trạm xử lý nước thải Quy Lưu đã xây dựng, công suất $Q = 2.500 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$. Nước thải sau xử lý xả ra hồ Quy Lưu và thoát ra sông Châu.

+ Khu vực Khu trung tâm Y tế chất lượng cao cấp vùng, một phần nội đô lịch sử được đưa về Trạm xử lý SH2 (tại xã Thanh Châu), công suất $Q_1 = 5.000 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ (*theo dự án*), $Q_2 = 10.600 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ (*dự kiến*). Nước thải sau xử lý xả ra sông Kinh Thủy.

- Lưu vực 3: Phía Nam sông Châu và phía Đông đường cao tốc Cầu Giẽ-Ninh Bình được đưa về Trạm xử lý SH3 (tại xã Đinh Xá), công suất Q1 = 2.400m³/ngày đêm, Q2 = 5.000m³/ngày đêm. Nước thải sau xử lý xả ra hồ điều hòa xây mới sau đó thoát ra sông Châu.

- Lưu vực 4: Phía Tây sông Đáy được đưa về Trạm xử lý SH4 (tại xã Thanh Sơn) công suất Q1 = 5.000m³/ngày đêm, Q2 = 7.000m³/ngày đêm. Nước thải được xử lý xả ra kênh Bùi (B1) và thoát ra sông Đáy.

- Lưu vực 5: Khu du lịch sinh thái đô thị nông nghiệp, xây dựng hệ thống công bao cho các khu ở hiện trạng và công thoát nước riêng cho khu vực mới, thu gom về Trạm xử lý SH5 (tại xã Phù Vân), công suất Q1 = 1.800 m³/ngày đêm, Q2 = 2.500m³/ngày đêm. Nước thải sau xử lý xả ra kênh thoát nước phía Nam trạm xử lý và thoát ra sông Đáy.

b) Nước thải công nghiệp: Được bố trí trạm xử lý nước thải riêng phục vụ trong từng khu vực phát triển công nghiệp.

c) Nước thải y tế: Được thu gom xử lý tập trung và khử trùng tại từng bệnh viện sau đó mới xả vào hệ thống thoát nước thải chung đưa về trạm xử lý tập trung.

12.5.2. Quản lý chất thải rắn:

- Chất thải rắn (CTR) sinh hoạt: Tổ chức thu gom, phân loại CTR tại nguồn và chuyển về xử lý tại Khu xử lý CTR Thanh Thủy với công nghệ xử lý tổng hợp (nhà máy chế biến CTR + ô chôn lấp CTR hợp vệ sinh + khu xử lý CTR nguy hại) và mở rộng với tổng diện tích mở rộng 25ha. Tại mỗi khu vực đô thị xây dựng 1÷2 trạm trung chuyển CTR, quy mô diện tích khoảng 500÷1000m².

- CTR Y tế, CTR Công nghiệp: Xử lý tập trung tại các nhà máy xử lý theo quy hoạch.

12.5.3. Nhà vệ sinh công cộng: Bố trí xây dựng Nhà vệ sinh công cộng tại các khu vực công viên vui chơi giải trí, quảng trường, bến xe, nhà ga, trung tâm thương mại,...

12.5.4. Nghĩa trang:

- Đóng cửa, dùng chôn cất ở các nghĩa trang rải rác hiện có và các nghĩa trang nông thôn nằm trong khu vực phát triển đô thị. Di chuyển các phần mộ riêng lẻ về nghĩa trang tập trung của thành phố tại xã Châu Sơn, mở rộng nghĩa trang Châu Sơn phục vụ giai đoạn trước mắt.

- Nghiên cứu xây dựng nghĩa trang vùng tỉnh với việc kết hợp nhiều hình thức và công nghệ táng, đáp ứng yêu cầu về vệ sinh môi trường, đảm bảo phục vụ thành phố Phủ Lý nói riêng và tỉnh Hà Nam nói chung.

12.5.5. Nhà tang lễ: Định hướng xây dựng 02 nhà tang lễ trên địa bàn thành phố, để hướng đến việc tổ chức tang lễ văn minh, tiết kiệm và bảo vệ môi trường. Xây dựng 01 nhà tang lễ ở phía Bắc thành phố (khu vực phường Lam Hạ); 01 nhà tang lễ ở phía Nam thành phố (khu vực phía Đông phường Liêm Chung).

12.6. Thông tin liên lạc:

Đầu tư mới và hoàn thiện các cơ sở hạ tầng thông tin liên lạc cùng với các hệ thống HTKT khác trong thành phố, đảm bảo cung cấp đầy đủ các loại hình

dịch vụ bưu chính, viễn thông. Hệ thống đường cáp, dây dẫn đi trong thành phố được ngầm hóa đảm bảo mỹ quan đô thị.

12.7. Hệ thống tuynel, hào kỹ thuật:

Định hướng xây dựng hệ thống tuynel, hào kỹ thuật trên mạng lưới đường giao thông trục chính của đô thị, nhằm phục vụ hệ thống đường dây đường ống đi bên trong, đảm bảo an toàn và mỹ quan đô thị.

12.8. Đánh giá môi trường chiến lược:

12.8.1. Giải pháp về quy hoạch:

Phân vùng bảo vệ môi trường nhằm định hướng quản lý môi trường phù hợp với các định hướng quy hoạch và phát triển đô thị của thành phố Phù Lý, đảm bảo xác lập được các khu vực cần phải cải thiện, bảo vệ và nâng cao chất lượng môi trường, cụ thể:

- Khu vực trung tâm nội đô thành phố Phù Lý: cần phải cải thiện môi trường nước, môi trường không khí và tiếng ồn. Vì vậy, phải tăng cường mật độ cây xanh đường phố, cây xanh công viên cũng như cải tạo hệ thống cống tiêu thoát nước và thu gom nước thải tập trung về các trạm xử lý.

- Khu vực kiểm soát ô nhiễm môi trường do quá trình đô thị hóa: gồm các khu vực phát triển đô thị mới ở phía Nam, phía Đông và phía Bắc thành phố. Vì vậy, cần kiểm soát tốt việc khai thác tài nguyên đất để xây dựng đô thị, bố trí diện tích cây xanh, mặt nước hợp lý; xây dựng một số hồ điều hòa lớn cấp đô thị nhằm vừa điều tiết nước mặt vừa điều hòa không khí vi khí hậu cho đô thị.

- Khu vực kiểm soát hoạt động phát triển công nghiệp: gồm các khu công nghiệp phía Tây Nam, phía Nam thành phố. Vì vậy, cần kiểm soát chặt chẽ hoạt động xử lý CTR công nghiệp, khí thải, nước thải công nghiệp của các doanh nghiệp hoạt động trong khu vực. Đồng thời phải xây dựng các khu xử lý CTR, nước thải, khí thải công nghiệp đảm bảo theo tiêu chuẩn quy định khi thải ra môi trường. Ngoài ra, phải bố trí trồng cây xanh cách ly giữa khu công nghiệp với khu dân cư xung quanh đảm bảo khoảng cách ly theo quy định.

- Khu vực không gian cây xanh mặt nước cải thiện và bảo vệ môi trường: gồm các khu vực hồ, cây xanh công viên công cộng, cây xanh cách ly nằm đan xen trong đô thị có chức năng cải thiện vi khí hậu, cải thiện môi trường cảnh quan sinh thái, góp phần thích ứng với biến đổi khí hậu. Hạn chế tối đa việc chuyển đổi chức năng sử dụng đất từ đất cây xanh mặt nước sang chức năng khác.

- Khu vực sinh thái - vùng đệm môi trường: Khu vực Phù Vân được xác định phát triển mô hình đô thị sinh thái - du lịch có vai trò là lá phổi cho thành phố Phù Lý.

12.8.2. Giải pháp về kỹ thuật

- Giải pháp bảo vệ môi trường đất:

+ Đối với khu vực ven sông Đáy: Sử dụng đất một cách hợp lý, hạn chế xả thải nước thải vào môi trường sông Đáy, sông Nhuệ, sông Châu.

+ Đối với đất sản xuất nông nghiệp: Cần hướng dẫn người dân áp dụng các biện pháp canh tác phù hợp với từng loại cây trồng, sử dụng hợp lý thuốc trừ sâu, phân bón hóa học trong việc sản xuất nông nghiệp.

- Giải pháp bảo vệ môi trường không khí, tiếng ồn:

+ Các cơ sở sản xuất công nghiệp có khả năng gây ô nhiễm môi trường cao cần phải có các giải pháp kỹ thuật như: lắp đặt hệ thống thông gió tại các khu vực sản xuất, hạn chế ảnh hưởng độc hại của các chất ô nhiễm trong không khí tới sức khỏe người lao động. Đầu tư các trang thiết bị xử lý ô nhiễm ngay khi các doanh nghiệp đi vào hoạt động.

+ Tại các khu tập trung dân cư (các khu thương mại, khu chợ, bệnh viện, trường học...) nên bố trí trồng cây xanh cách ly, cây xanh hai bên đường tại các nút giao thông có mật độ phương tiện qua lại cao, trồng cây xanh quanh khu vực các cơ sở công nghiệp gây ô nhiễm bụi nhằm giảm thiểu ô nhiễm bụi và tiếng ồn.

+ Bố trí vành đai cây xanh tại các khu dân cư ven sông Đáy, sông Nhuệ, sông Châu nhằm bảo vệ môi trường sống của dân cư, nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của các khu khai thác sản xuất cũng như tại trung tâm đô thị.

- Giải pháp bảo vệ môi trường nước: Nước thải sinh hoạt và nước thải công nghiệp, y tế được thu gom tập trung và xử lý cục bộ tại ngay những nơi phát thải, tập trung xử lý tại trạm xử lý nước thải tập trung của đô thị.

- Bố trí mạng lưới quan trắc môi trường đất, nước, không khí và dự báo khí tượng thủy văn; công tác quan trắc phải được tiến hành định kỳ nhằm phát hiện kịp thời những diễn biến, biến đổi về môi trường đô thị để có kế hoạch quản lý và lên phương án xử lý, điều chỉnh, kiểm soát môi trường kịp thời.

13. Các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư và nguồn lực thực hiện:

- Thực hiện các thiết kế đô thị, quy hoạch phân khu để cụ thể hóa Quy hoạch chung Thành phố.

- Bổ sung sửa đổi các cơ chế, chính sách quản lý quy hoạch, lao động, nguồn lực đầu tư phát triển.

- Ưu tiên các chương trình, dự án để Thành phố đạt tiêu chuẩn đô thị loại II vào năm 2020, gồm:

+ Hạ tầng kỹ thuật.

+ Hạ tầng kinh tế xã hội.

+ Lập Quy chế quản lý kiến trúc cảnh quan và chương trình phát triển đô thị (*thực hiện trong năm 2016*).

+ Lập quy hoạch phân khu các khu chức năng, thiết kế đô thị các trục đường chính, thiết kế chi tiết các khu vực điểm nhân, khu vực trung tâm lịch sử hiện hữu làm cơ sở quản lý quản lý kiến trúc cảnh quan thành phố (*thực hiện trong năm 2016-2017*).

+ Xây dựng trục đường 68 từ Đồng Văn đến nút giao Liêm Tuyền (*thực hiện trong năm 2016-2018*).

+ Xây dựng hệ thống kè đường hai bên bờ sông Châu và sông Đáy (thực hiện trong năm 2016-2020), giải phóng mặt bằng các công trình điểm nhấn dọc theo sông Đáy, sông Châu (thực hiện trong năm 2016-2017).

+ Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khung cho các khu Giáo dục, Y tế (thực hiện trong năm 2016-2020), khu Trung tâm hành chính tỉnh (thực hiện trong giai đoạn 2020-2030).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, và thay thế Quyết định số 927/QĐ-UBND ngày 11 tháng 7 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Ngành: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Văn hóa Thể thao và Du lịch, Giáo dục Đào tạo, Giao thông Vận tải, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Nội vụ, Giáo dục và Đào tạo, Y tế, Thông tin và Truyền thông, Khoa học và Công nghệ; Giám đốc Công ty Điện lực Hà Nam; Ban Quản lý phát triển khu đô thị mới; Ban Quản lý Khu Đại học Nam Cao; Ban Quản lý dự án các công trình trọng điểm; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Phủ Lý và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Bộ Xây dựng (để b/c);
 - TTTU, TT HĐND tỉnh;
 - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
 - Như Điều 2 (15);
 - CB Hà Nam; Báo Hà Nam, Đài PTTH tỉnh;
 - VPUB: CPVP(3), các CV;
 - Lưu VT, XD.
- QV. - D\QĐ\2016\037

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phạm Sỹ Lợi